

LUẬN A TỴ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 73

Phẩm 7: NÓI VỀ TRÍ (PHẦN 1)

Như thế là đã căn cứ vào sự sai khác của các đạo, kiến lập Bồ-đặc-già-la Hiền Thánh, đã nương dựa đạo, nói như thế này: Chánh kiến, chánh trí, gọi là chi Vô học, nên ở trong đó phải tư duy, lựa chọn kỹ.

Vì có tuệ kiến, không phải trí và có tuệ trí chẳng phải kiến, nên lập riêng hai chi kiến, trí? Cũng có như thế nào? Tụng rằng:

*Tuệ Nhân Thánh không trí
Tận-Vô sinh chẳng kiến
Hai, tuệ hữu lậu khác
Sáu kiến tánh đều trí.*

Luận nói: Tuệ có hai thứ: hữu lậu và vô lậu. Chỉ có tuệ vô lậu lập dùng tên Thánh. Tám Nhân trong tuệ Thánh này không phải tánh trí. Vì sao? Vì không phải tánh quyết đoán nên chỉ nghĩa quyết đoán là nghĩa của trí.

Vì sao tám Nhân không thể quyết đoán?

Vì đã tự dứt nghi mà đắc tùy theo nối tiếp nhau sinh, hoặc cầu thấy cảnh ý ưa thích thôi dứt, gia hạnh thông thả, gọi là trí. Các Nhân khi đang khởi, ý ưa thích so lường, gia hạnh mạnh mẽ, nhạy bén, nên không thuộc về trí, mà gọi kiến, tức tánh so lường. Cho nên, Tận và Vô sinh trí tánh không phải là kiến, vì ý thích suy tìm hoàn toàn thôi dứt, đã khởi gia hạnh thông thả mà gọi là trí vì tánh quyết đoán.

Các pháp khác đều có cả hai tánh trí, kiến là tánh đã dứt tự nghi ngờ, và tánh suy tìm. Nghĩa là tám Nhân trước và Tận, Vô sinh trí. Ngoài ra, tám trí Hữu học và chánh kiến Vô học, mỗi mỗi đều có cả tánh trí, kiến. Há không là Nhân, các đạo Vô gián khác cũng tự đối trị hoặc mà đắc thuận theo sinh, đều là chánh khởi suy tìm, ý vui thích và gia hạnh mạnh mẽ, nhạy bén, nên không thuộc về trí. Tận, Vô sinh và

đạo Giải thoát khác v.v... trái nghịch nhau nên đều chẳng phải kiến?

Vấn nạn này không đúng, vì đạo Vô gián khác, không có phẩm nghi của tự nó, không có đặc tùy theo nối tiếp nhau sinh. Lại, đạo Giải thoát kia chỉ thấy cảnh đã từng thấy, không phải như tám Nhãn vì rất trái với trí, nên giải thoát khác v.v... không phải hoàn toàn thôi mong cầu, gia hạnh đã khởi, không phải quá đối thông thả, vì đều có sở tác ở hữu sau, do đó, tất cả đều có cả hai thứ, vì đều đủ công dụng quyết đoán và suy tìm. Các tuệ hữu lậu đều thuộc về tánh của trí, trong đó chỉ sáu cũng là tánh kiến, nghĩa là năm kiến ô nhiễm, và chánh kiến thế tục là sáu.

Có sư khác nói: Công năng phát khởi năm thức thân, ngũ đã dẫn và tuệ thiện hữu lậu tương ứng với ý thức khi qua đời, cũng không phải là tánh kiến, vì chuyển biến môn ngoại, vì như công năng dẫn, vì thế lực kém.

Điều này cũng không đúng. Vì không nên thừa nhận và chẳng quyết định. Vì Khế kinh nói, nghĩa là không nên thừa nhận, chỉ chuyển biến môn nội, mới là tánh kiến. Chớ cho rằng trong tuệ Thánh, trụ ngoài thân mạng, không thuộc về tánh kiến. Nhưng Khế kinh nói: Đối với thân ở ngoài, quán theo thân, là thuộc tánh kiến, cũng không phải quyết định như thân năm thức và ý thức được dẫn chuyển biến tánh như thế, vì ý thức đã dẫn thiện kia v.v..., đôi khi cũng là bất thiện v.v...

Do đó, không nên cho ý thức là đối tượng dẫn đồng với năm thức chủ thể dẫn là tánh không phân biệt. Như Khế kinh nói: Có người lúc qua đời được chánh kiến, cùng có tâm, tâm sở thiện. Cho nên nói: Tuệ thiện của ý địa có được đều thuộc về tánh kiến. Về lý là đúng nhất.

Hữu lậu tuệ của bậc Thánh đã nói như thế vì đều là trạch pháp, nên đều thuộc về tánh của tuệ. Trí có bao nhiêu tướng riêng ra sao? Tụng rằng:

*Mười trí chung có hai
Hữu - Vô lậu riêng khác
Hữu lậu, gọi Thế tục
Vô lậu, gọi Pháp, Loại.
Thế tục khắp làm cảnh
Pháp trí và Loại trí
Như cõi Dục, cõi trên
Duyên Khổ để làm cảnh.*

Luận nói: Trí có mười thứ, gồm nhiếp tất cả trí:

1. Thế tục trí; 2. Pháp trí; 3. Loại trí; 4. Khổ trí; 5. Tập trí; 6. Diệt

trí; 7. Đạo trí; 8. Tha tâm trí; 9. Tận trí; 10. Vô sinh trí.

Mười trí này tóm lại chỉ có hai thứ là hữu lậu và vô lậu, vì tánh sai khác.

Như thế tướng của hai trí riêng có ba, đó là Thế tục trí, Pháp trí, Loại trí. Trí hữu lậu đều gọi thế tục. Tánh của các vật như bình, áo v.v... có thể hủy hoại, vì biểu thị tình ở tục nên gọi thế tục. Trí này phần nhiều nhận lấy cảnh thế tục, vì phần nhiều thuận với chuyển biến theo sự tục của thế gian, nên theo đa số lập ra tên gọi Thế tục trí. Chẳng phải không nhận lấy thắng nghĩa, thuận với chuyển biến theo sự thắng nghĩa nhưng là cảnh ái không có công năng thù thắng, dứt các hoặc nội, nên chẳng phải vô lậu.

Hoặc lại xuất thế dẫn phát thế gian, được gọi là thế tục, thế tức vô trí, trí tùy theo xuất thế kia mà được tên trí. Ý biểu thị tên này, nên gọi trí hữu lậu.

Có thuyết nói: Vì thuộc các cõi nên gọi là thế tục. Trí này phần nhiều là nhân đi qua các cõi. Từ quả đặt tên mà gọi là Thế tục trí.

Có thuyết nói: trí này từ vô thủy đến nay, hiển hiện trong thân sinh tử mà chuyển, do đó, nên đặt tên Thế tục trí. Hoặc trong các hữu, tùy theo trôi lăn mãi không dứt, gọi Thế tục trí, vì lúc nào cũng thuận theo sự chuyển biến nối tiếp nhau của các hữu. Hoặc là trí này đối với tất cả cảnh, có thể lẩn át, biến khắp phát ra nên được gọi là thế tục, vì riêng một mình có khả năng duyên khắp tất cả pháp.

Trí vô lậu được chia làm hai thứ: Pháp và Loại, vì đã gọi riêng, về danh nghĩa hai trí này như trước đã giải thích. Tuy nhiên, có Sư giải thích: Loại, nghĩa là so sánh giống nhau, lấy sự việc hiện thấy để so sánh với cảnh không hiện thấy, thuộc về tỉ lượng nên được gọi là Loại trí.

Cách giải thích này không đúng, vì nói thấy thật, nghĩa là không phải do tỉ lượng trí có thể đặt tên thấy thật. Trong các Khế kinh nói chung là pháp, loại. Nếu thấy khổ như thật thì quyết định thấy phi ngã. Vì thấy như thật đối với bốn Thánh đế, nên có thể thấy như thật về bốn Thánh đế, có vô lượng Khế kinh nói như thế. Lại vì quyết định bằng nhau trong vị Thánh, tức người kiến tích đồng quyết định biết các hành không phải thường, các pháp là vô ngã, Niết-bàn vắng lặng. Tuy không phải hiện thấy thật nhưng có thể so sánh biết đồng là quyết định. Nghĩa là lấy pháp này so với pháp kia, gọi là tỉ trí. Tuy tỉ trí không phải quyết định mà cũng có khác, do đó thấy thật cùng với so sánh biết, theo lý không nên nói chúng đồng là quyết định, vì không phải các Thánh trí

có lý so sánh, suy lường. Cho nên, người có trí, thì không nên nói: Có cảnh của Thánh đế là sở chứng của tử trí. Lại như thế lẽ ra Thánh không duyên nơi Diệt trí, nghĩa là nếu Loại trí thuộc về Tử trí thì nên cũng không duyên Diệt Pháp trí, vì diệt nói chung không phải là việc hiện thấy. Nhưng thừa nhận hiện lượng gồm có ba thứ: tức dựa vào căn, lãnh nạp, giác tuệ khác nhau.

Dựa vào căn tánh hiện lượng: Nghĩa là dựa vào năm căn hiện nhận lấy năm cảnh giới bên ngoài như sắc v.v...

Lãnh nạp hiện lượng: Nghĩa là pháp tâm, tâm sở như thọ, tưởng v.v... đang hiện ở trước.

Giác tuệ hiện lượng: Nghĩa là đối với các pháp, tùy theo sự thích ứng của tuệ giác mà chứng tự tướng, cộng tướng. Trong đây, nếu căn cứ dựa vào căn, lãnh nạp, nói cảnh của Loại trí, thì không phải sự hiện thấy, tức Diệt Pháp trí, về lý lẽ ra cũng không có, vì diệt không phải dựa vào cảnh của lãnh nạp và căn.

Nếu căn cứ ở giác tuệ, thì không nên nói: Sở duyên của Loại trí là cảnh của Tử trí.

Thế nên, tất cả như lý đã dẫn quyết trạch của thật nghĩa đều là trí hiện lượng. Vì Loại trí đã như thế, nên thuộc về hiện lượng, đây gọi là tướng của hai trí, chia ra thành ba. Tâm định tương ứng với sự chuyển biến nơi hành tướng Thánh.

Hai trí hữu lậu, vô lậu phân biệt thế nào? Trí vô lậu hành tướng sáng suốt, nhạy bén đối với cảnh. Trí hữu lậu kia trái với trí vô lậu này, như Khiết địa la và gỗ là hai loại than khác nhau ở nhiên liệu và thế dụng cháy không đồng cho đến mùi hương hơn, kém, công năng xông ướp, công dụng, riêng khác. Lửa sắt, lửa cỏ, nhiệt đều có khác, hai trí đối nhau, sai khác cũng thế. Hoặc thế tục trí, về sau khởi tăng thượng mạn, còn vô lậu thì không như vậy, nên có sai khác. Lại, vì cảnh của Thế tục trí, với Pháp Loại trí có rộng, hẹp sai khác. Nghĩa là Thế tục trí dùng khắp tất cả hữu vi, vô vi làm cảnh sở duyên. Vì Khế kinh nói: Có trí thế tục có khả năng biết khắp các khổ, nói rộng cho đến: Biết khắp hư không phi trạch diệt. Cho nên, cũng có việc dùng hành tướng phi ngã để duyên chung tất cả pháp làm cảnh, vì Khế kinh nói: “Các hành vô thường, tất cả pháp phi ngã, Niết-bàn tịch tĩnh”. Tuy nhiên, có kinh nói: Có thể dùng chánh tuệ quán tất cả pháp là phi ngã. Dù tất cả pháp thật sự đều phi ngã, nhưng tiếng “tất cả” ở đây, không phải gọi chung các pháp, mà chỉ gọi hết các pháp thuộc về khổ đế. Kế lại nói: Chánh tuệ có khả năng nhàm chán khổ.

Có sự khác đối với vấn đề này, lại giải thích rằng: Tuệ này thật sự có công năng duyên tất cả pháp. Nhưng hành tướng các pháp này vốn là quả nhàm chán, nên chỉ dựa vào hành tướng đó nói lên lời chán khổ, như vì đốt nhà mà lửa tha hồ cháy, nhưng khi lửa bốc lên, nó cũng thiêu đốt các vật khác.

Cách giải thích ấy không đúng, vì kinh này lại nói: Do đạo lực này mà đắc thanh tịnh. Hai tuệ Văn, Tư cũng có công năng duyên khắp, tạo ra hành tướng phi ngã của tất cả pháp thì đạo này há có thể đạt được quả thanh tịnh?

Nếu cho rằng nói đạo này có khả năng được thanh tịnh, không nói: Tức đạo này là công năng thanh tịnh, thì không có lỗi.

Về mặt lý, cũng không đúng, vì như ngài Đạo khác thì phải nói lời này: như Khế kinh nói: Chỉ có đạo này có khả năng đạt được thanh tịnh, không còn có đạo nào khác.

Há có thể đối với đạo kia, cũng nói lời này: Có công năng đạt được thanh tịnh, không phải là công năng thanh tịnh...

Vì thế nên biết, kinh này nói: Dùng chánh tuệ quán tất cả pháp là phi ngã, là chỉ gọi các pháp thuộc về khổ đế, chứ không phải gồm nhiếp pháp khác mà nói tiếng tất cả. Chẳng hạn, như nói: Các hành đều vô thường, khổ, mà không phải Thánh đạo là khổ, vô thường. Cho nên nói các hành là chỉ hiện bày khắp khổ đế mà thôi. Chánh tuệ này lẽ ra cũng như thế, chỉ quán cảnh khổ, khởi hành phi ngã, không phải quán đế khác, ngoài đây ra, hẳn nhiên riêng có. Quán chung hành tướng của các pháp là phi ngã, cũng là thứ mà người quán hành được biết. Nghĩa là người tu quán hành ắt phải trước tiên tu quán hành tướng phi ngã của tất cả pháp, thanh tịnh trị thân khí khiến có thể nhận lãnh, dựa vào đó hướng đến nhập duyên quán ba nghĩa.

Nếu không như vậy thì tướng ngã là một, hợp làm rối loạn mà lẽ ra không có khả năng tu, kiến lập các pháp, không có quán xen lẫn nhau. Pháp trí chỉ duyên bốn đế ở cõi Dục, vì Luận này nói: Thế nào là Pháp trí? Nghĩa là trí vô lậu duyên các hành hệ thuộc cõi Dục. Trí vô lậu duyên ở nhân của các hành hệ thuộc cõi Dục. Trí vô lậu duyên nơi các hành diệt hệ thuộc cõi Dục. Trí vô lậu duyên nơi Đạo có thể dứt các hành hệ thuộc cõi Dục và duyên Pháp trí, duyên trí vô lậu của địa Pháp trí gọi là Pháp trí.

Há không là Pháp trí duyên theo cảnh bốn đế, vì sao lại nói: Và duyên Pháp trí, duyên theo trí vô lậu của địa Pháp trí?

Hai trí này cũng duyên theo Đạo để làm cảnh, vì phần trên nói:

Trí vô lậu duyên nơi Đạo đế có khả năng dứt các hành hệ thuộc cõi Dục, tức không thể cho rằng tất cả đều duyên nơi Đạo Pháp trí. Nhưng vì nói Đạo có khả năng duyên, khả năng đoạn để gồm thâu các đạo gia hạnh, giải thoát, thắng tiến khác, gồm thâu Pháp trí làm cảnh. Cho đến Pháp trí pháp Nhân được khởi trong thân ly dục làm cảnh cho Pháp trí.

Lại nữa, nói duyên Pháp trí, nói duyên địa của Pháp trí là hoặc phần trước nói: Trí duyên Đạo có khả năng đoạn, tức chỉ gọi là duyên Vị chí có khả năng đối trị đối tượng đoạn của kiến, tu ở cõi Dục làm cảnh của pháp trí. Vì gồm nhiếp duyên phẩm pháp trí, năm địa khác làm cảnh của Pháp trí, lại nói thêm hai duyên sau.

Nếu vậy, văn luận kia nên nói rằng: Trí vô lậu duyên đối trị các hành ở cõi Dục.

Nếu nói như thế tức là tổng thâu mọi khả năng duyên tất cả phẩm Pháp trí đều làm cảnh của Pháp trí hết. Vì dùng lời nói đối trị gọi nhiều nghĩa.

Nếu không như vậy, thì sẽ có lỗi phi ái, nghĩa là trí vô lậu duyên lệ thuộc cõi Sắc làm cảnh cũng nên gọi là Pháp trí. Có đối trị hành cõi Sắc là đối trị hành cõi Dục

Há chẳng đã nói: Trí duyên Đạo có khả năng dứt hành cõi Dục cũng có lỗi này?

Không có lỗi này. Vì nói đạo có khả năng dứt là đã ngăn không nói đến sự đối trị của cõi Sắc và Dục. Nghĩa là đây căn cứ để để nói về cảnh của pháp trí. Nói Đạo, tức chỉ rõ là thuộc về Đạo đế, chẳng phải thuyết mà ông đã nói, cũng có lời nói “Đạo”, Cho nên lỗi này là ở ông chứ không phải ở tôi.

Lại, nếu thừa nhận đạo mà ông đặt để ra, cũng không thể gồm nhiếp hết các pháp trí, và khả năng chung đối trị của pháp trí trong ba cõi. Lại, lẽ ra cũng thừa nhận duyên các trí vô lậu của phẩm loại trí là thuộc về pháp trí. Phẩm loại trí cũng vì đối trị phần xa của cõi Dục, nên thừa nhận lời nói đối trị vì gọi nhiều nghĩa.

Do đó, điều mà luận này nói không có lỗi, vì Loại trí có công năng duyên chung qua bốn đế của hai cõi trên.

Do cảnh của ba trí này có sai khác, tức ở trong ba thứ trí như thế. Tụng rằng:

*Pháp, loại do cảnh khác
Lập bốn tên như khổ v.v...
Đều có Tận Vô sinh
Trước chỉ loại khổ, tập.*

Luận nói: Pháp trí, loại trí do cảnh sai khác nên chia làm bốn đế: khổ, tập, diệt, đạo.

Vì sao Thế tục trí cũng duyên khổ v.v... mà không gọi là khổ trí v.v...? Do trí kia trước dùng hành tướng khổ v.v..., quán khổ v.v... rồi, về sau lại chấp nhận quán cảnh khổ v.v... làm vui v.v... Lại được trí thế tục như thế rồi, sau lại duyên theo đế, mà hoài nghi, chất chứa hiện hành.

Sáu trí như thế, nếu thuộc về bậc Vô học, không phải tánh kiến, gọi là Tận, Vô sinh. Hai trí này mới sinh, chỉ là loại khổ, tập, vì duyên theo hành tướng của sáu thứ khổ, tập, vì duyên uẩn của Hữu đánh làm cảnh giới. Nếu Kim cương dụ định, duyên khổ, tập thì đồng với cảnh này, duyên diệt, đạo thì khác.

Nếu vậy, há không là trái với Kinh giáo, như nói: Đối với Tận có trí mới sinh, từ đây vô gián mà có khả năng tự thông đạt.? Không có lỗi trái với giáo. Vì đây, nói “Tận” là có tiếng thứ bảy, không phải cảnh thứ bảy, nghĩa là có phiền não diệt hết không còn sót. Có trí mới sinh, không phải trí này sinh duyên nơi tận làm cảnh, thì đâu có trái bỏ?

Ý lời nói kia, biểu thị trong thân có hoặc, không có trí này sinh mà phải có hoặc hết. Trong chín thứ trí đã nói ở trước, tụng rằng:

*Pháp, loại, đạo, thế tục
Có thành tha tâm trí
Ở vị căn, địa hơn
Đời quá khứ, vị lai không biết
Pháp, loại chẳng biết nhau
Thanh văn, Lâu du Phật
Thứ lớp, biết Kiến đạo
Hai, ba niệm tất cả.*

Luận nói: Có Pháp, Loại, Đạo và Thế tục trí tạo thành Tha tâm trí. Ngoài ra, thì không như vậy.

Há không là Đạo trí là Pháp, Loại thì không có thành Tha tâm trí? Lẽ ra chỉ nói ba thành Tha tâm trí? Về lý, thật ra là như thế, vì biểu thị Tha tâm trí, chỉ biết cảnh đồng loại, nên nói như thế. Nghĩa là vì biểu thị thành tựu Pháp, Loại trí này, biết tâm, tâm sở vô lậu của người khác, là thuộc về Đạo trí, không phải Khổ, Tập trí, vì trí vô lậu quyết định không thể biết tâm, tâm sở hữu lậu của người khác. Tâm, tâm sở vô lậu của thân người khác, vì nhỏ nhiệm, vì thù thắng, nên không phải hữu lậu của mình.

Cảnh của Tha tâm trí về lý có thể như thế, sao Tha tâm trí vô lậu của thân mình không thể biết tâm, tâm sở hữu lậu của người khác?

Vì ở cảnh hữu lậu, trí vô lậu sinh, hành tướng, sở duyên khác với trí này. Nghĩa là khi trí vô lậu duyên hữu lậu, tất nhiên là duyên chung hành tướng nhằm trái. Cho nên, quyết định không có khả năng duyên riêng tâm, tâm sở người khác thành Tha tâm trí. Vì trí các bậc Thánh khi duyên theo hữu lậu, tất nhiên, đối với sở duyên, sinh nhằm chán sâu đậm, ưa từ bỏ chung, không thích quán riêng. Lúc duyên vô lậu, vì sinh ưa thích nên sau khi quán chung rồi, cũng thích quán riêng. Như có thấy, nghe các việc không đáng được yêu, duyên chung, bèn bỏ, không thích duyên riêng, Còn ở trong cảnh đáng yêu thì không như vậy, mà thấy, nghe chung rồi, cũng thích duyên riêng.

Thế nên, đối với tâm hữu lậu v.v... của người khác, tất nhiên không có Thánh trí mỗi thứ quán riêng, để thành tựu duyên Tha tâm trí vô lậu của tâm hữu lậu, vì Tha tâm trí quyết định đối với pháp tâm, tâm sở của người khác mà biết riêng.

Há không là cũng có ba niệm trụ gồm nhiếp khổ, tập, Nhẫn trí? Mặc dù có, nhưng không phải chỉ duyên một pháp, mà là vì duyên nhiều thể. Lại, Tha tâm trí có tướng quyết định, nghĩa là không biết hai đời quá khứ, vị lai thù thắng và phẩm pháp loại không biết lẫn nhau. Sự thù thắng lại có ba, nghĩa là địa, căn, vị. Địa, nghĩa là ở địa dưới không biết được tâm của địa trên. Về nghĩa, chỉ có khả năng biết địa mình, địa dưới.

Căn, nghĩa là căn trí của Tín giải, Thời giải thoát không biết tâm Kiến chí, Bất thời giải thoát. Vị, nghĩa là Bất hoàn, Thanh văn, Ứng quả, Độc giác, Đại giác. Trí của vị trước trước, không biết tâm của người ở vị thù thắng sau sau. Về nghĩa, chỉ có khả năng biết được căn, địa vị của mình, địa dưới. Nhưng tha tâm trí và cảnh được nhận biết với căn, địa đã khác thì sự hiểu biết cũng có khác. Biết pháp tâm, tâm sở hữu lậu đã từng, chưa từng được, đều có mười lăm, nghĩa là bốn tĩnh lự cõi Dục, mỗi tĩnh lự đều có căn phẩm thượng, trung, hạ, có khả năng biết, chỉ trừ ba phẩm cõi Dục, từng được, chưa từng được, mỗi phẩm đều có mười hai. Biết vô lậu và khả năng biết của nó đều trừ ba phẩm cõi Dục, mỗi phẩm đều có mười hai.

Vả lại, các hữu lậu từng được, chưa từng được, thuộc về hạ căn thì tha tâm trí sinh, tùy đối tượng nó thích ứng, mà có thể biết được phẩm tâm ba căn của địa dưới. Địa mình, căn phẩm hạ, phẩm trung cũng biết phẩm trung của địa mình. Phẩm thượng hiểu rõ chung ba phẩm của mình, địa dưới trí tha tâm của căn cơ phẩm hạ vô lậu khởi, chỉ biết căn phẩm hạ của địa dưới, và địa mình, căn phẩm trung cũng biết trung,

thượng gồm biết cả thượng.

Vì sao trí hữu lậu, vô lậu sinh, biết tâm của địa dưới nhiều, ít có khác?

Ba phẩm hữu lậu có thể một thân thành, vô lậu tùy theo căn, lập bậc Thánh riêng, còn không có một thân hai căn phẩm, hướng chi có thành ba, nên có sai khác.

Sao nói một Bồ-đặc-già-la thành chín phẩm đạo, dứt chín phẩm hoặc?

Sự sai khác của đạo này, không phải căn cơ có khác. Do nhân lớn dần, đạo sau tăng chuyển vận, như thứ lớp, có khả năng khiến cho nhiều phẩm dứt đoạn, hoặc các chủng tánh, đều có chín phẩm, thành một, chín phẩm, thì không thành phẩm khác, nên lời nói trước sau không có lỗi trái nhau. Vì thế, nên dựa vào địa trên, khởi căn địa dưới. Tâm có tâm của căn phẩm thượng dựa vào địa dưới khởi. Địa, căn vượt cao siêu lẫn nhau, sẽ không biết nhau. Vị, địa, căn, vị đối lập nhau cũng thế. Tha tâm trí này không biết quá khứ, vị lai, vì biết tâm, pháp tâm sở, năng duyên, nên hai phẩm pháp, loại không biết lẫn nhau. Hai phẩm này như thứ lớp, từ cõi Dục trở lên cõi trên hoàn toàn là sở duyên. Tha tâm trí này trong Kiến đạo, không quán chung đế lý, chuyển vận rất nhanh chóng, nhưng đều chấp nhận làm cảnh của Tha tâm trí. Bậc Thánh ba thừa lúc khởi trí này, hai thừa hạ, trung, sẽ cần gia hạnh. Gia hạnh Thanh văn hoặc phẩm thượng, hoặc trung. Dự Lân giác chỉ cần gia hạnh phẩm hạ. Đức Phật không có gia hạnh, mà tùy ý muốn liền hiện tiền. Nếu các hữu tình sắp vào Kiến đạo, Thanh văn, Độc giác sẽ dự tu gia hạnh.

Vì muốn biết tâm của quả vị Kiến đạo kia, nên các hữu tình nọ nhập địa vị Kiến đạo, từng phần pháp Thanh văn gia hạnh nếu viên mãn, thì sẽ biết hai tâm niệm đầu tiên của Kiến đạo. Nếu vì lại biết tâm của phần loại, riêng tu gia hạnh, đến gia hạnh viên mãn, hữu tình kia đã vượt đến tâm thứ mười lăm, mặc dù biết mà tâm này không phải biết Kiến đạo. Thế nên nói trí kia chỉ biết hai niệm. Từng phần pháp Dự Lân giác nếu gia hạnh mãn, biết hai niệm đầu tiên của Kiến đạo, nếu vì lại biết tâm phần loại riêng tu gia hạnh đến viên mãn thì biết tâm loại tập trí thứ tám.

Có sư khác nói: Biết thứ mười lăm.

Có thuyết nói: Dự Lân giác biết bốn sát-na, là hai tâm đầu, tâm thứ tám, và tâm thứ mười bốn.

Lời nói này hợp lý. Vì sao? Vì thừa nhận biết từ hai tâm niệm đầu tiên rồi, chỉ cách năm niệm, biết tâm thứ tám. Nếu lại tu gia hạnh phần

pháp, trải qua khoảnh khắc năm niệm gia hạnh nên thành.

Sao không thừa nhận biết niệm thứ mười bốn?

Có sư khác cũng nói: Biết bốn sát-na, nghĩa là hai tâm đầu tiên, thứ mười một, và mười hai.

Đức Phật đối với tất cả công đức thù thắng, tùy ý muốn liền hiện tiền, vì tâm tự tại, nên đối với mười lăm niệm, có khả năng biết theo thứ lớp, vì Phật, Đức Thế Tôn suốt trong ba vô số kiếp đã tu tập siêng năng, tinh tiến, vô lượng tư lương, nên đạt được diệu trí cao quý khó tư duy, đầy đủ thể dụng lớn, tùy ý muốn có thể biết. Mặc dù trí này sinh, nhưng cũng biết tâm sở. Tuy nhiên, tu gia hạnh vốn vì biết tâm, như Không xử v.v... gọi là tha tâm trí.

Hiếp Tôn giả nói: Dẫn trí này sinh, trước phải biết tâm, sau mới biết tâm sở. Ngay từ đầu, chỉ đặt tên tha tâm trí. Khi dẫn trí này, tu gia hạnh nào? Trước phải quán sát hiển hình của thân, ngôn âm sở thích biểu hiện ở tâm sai khác, nghĩa là hành giả khi tu nghiệp đầu tiên vì muốn xem xét tâm sai khác của người, trước phải quán sát hiển hình tự thân, các ngôn âm, sở thích do đâu có khác, tức là biết sự sai khác của hiển v.v... do tâm.

Lại, xem xét quán sát hiển v.v... của thân người khác, cũng do tâm khác có sai khác sinh, do đó, thời gian sau, ý thân lìa dục, điều hợp thanh tịnh dẫn định cao quý sinh, dựa vào định phát sinh có trí oai đức. Trí này chân thật soi thấy tâm người khác, như mỗi thứ sợi tơ màu trong viên ngọc minh châu, tướng sai khác rõ ràng có thể được. Đây gọi là tu gia hạnh tha tâm trí của thế tục. Nếu khi tu tha tâm trí vô lậu, đã dùng khổ trí để quán vô thường v.v... làm gia hạnh. Vị gia hạnh này duyên chung sắc, tâm, đến khi thành đủ, duyên theo tâm không phải sắc. Lại, ở vị gia hạnh duyên theo tâm mình, người khác, đến khi thành đủ, duyên theo người khác, không phải mình.

Hai tướng tận, vô sinh trí khác nhau thế nào? Tụng rằng:

*Trí đối bốn Thánh đế
Biết ngã đã biết tha
Không nên lại biết nữa
Thứ lớp tận, vô sinh.*

Luận nói: Như Luận này nói: Thế nào là Tận trí? Nghĩa là địa vị Vô học, nếu chánh tự biết: Ta đã biết Khổ, ta đã dứt Tập, ta đã chứng Diệt, ta đã tu Đạo. Do đây mà có tất cả tri kiến minh giác quán quang minh tuệ giải, đây gọi là Tận trí.

Thế nào là Vô sinh trí? Nghĩa là chính thức tự biết: Ta đã biết khổ,

không còn biết nữa... nói rộng cho đến... ta đã Tu đạo không còn tu nữa?
Do đây mà có... nói rộng cho đến... đó gọi là Vô sinh trí.

Do trước đó ý ưa thích mà khi hai trí chuyển có lực thường dẫn khởi trí hiểu như thế, không phải ngay lúc chuyển hai trí vô lậu mà thành sự hiểu biết như thế, vì không phân biệt. Nghĩa là phát ra hai trí trong hậu đắc trí, mới tạo ra sự phân biệt hai loại như thế. Hai phân biệt này, hai trí sau sinh lanhờ lực của Tận và Vô sinh đã dẫn. Vì hai Tục trí này là quả sĩ dụng kia, nên nêu hai quả, biểu thị sự sai khác của hai trí. Về lý, phải như thế. Vì nói: “Do đây”, nên căn cứ nghĩa này mà nói tiếng “do đây” tức là nghĩa nhờ đây mà có trí. Nếu không như vậy, thì lẽ ra nói: tất cả như thế.

Các người quán hành, khi trước đó tu hành, nhất định khởi ý ưa thích mong đợi như đây, nghĩa là khi ta sẽ chứng A-la-hán, phải nên khởi trí tự suy xét này, nên nay xuất quán, trí này sẽ sinh. Vì khiến cho trí đã sinh khởi này, tùy theo thích ứng, kiến lập tên gọi Tận Vô sinh, tức nghĩa chỗ dựa của trí sau sinh, nên nói: Cách giải thích này, về lý phải như thế.

Há không là hai trí không thuộc về tánh, kiến? Sao lại nói trí, kiến, minh v.v...?

Có người tạo ra cách giải thích này: Vì nhân tiện nói, nhưng thật sự hai trí là ở thời gian sau, vì đã khởi nhân kiến, nên cũng gọi là kiến, nghĩa là lìa Tận trí, sau khi xuất quán, sẽ không hiện hành, kiến xem xét, nên trước tánh Bất động, và sau Luyện căn, khi đạt được bất động, lìa Vô sanh trí, về sau kiến xem xét, cũng không hiện hành, nên kiến này được gọi là từ quả mà lập. Hoặc như vì kiến, nên giả đặt tên kiến, như đặt tên ánh sáng (minh) vì chuyển biến hiện đang soi rọi, như ánh sáng dù là xứ sắc, thể của trí không phải ánh sáng, mà tác dụng chiếu như ánh sáng nên gọi là ánh sáng, không có lỗi.

Hai trí như thế, thật sự không phải là thể của kiến, hiện đang soi rọi, như kiến lập lấy tên kiến, hoặc các hiểu biết quyết định của thế gian, gọi là kiến, như nói: Tôi thấy bằng ấy thời gian, mặt trời, mặt trăng này sẽ bị xâm thực, vì quyết định biết nên gọi là kiến.

Hai trí này lẽ ra cũng như thế, tức do nhân ấy, kinh nói thế này: Uẩn trí kiến giải thoát, nghĩa là Tận-Vô sanh trí, phải có giải thoát. Trí này được sinh, lấy trí làm thể, gọi là trí giải thoát. Vì nhân trước, nên cũng được gọi là kiến, nên uẩn này gọi là trí kiến giải thoát.

Vì sao luận này nói rằng: Thế nào là kiến? Vả lại, các trí cũng là kiến, nhưng có kiến mà không phải trí, nghĩa là tám Nhãn? Há không

nên nói: Ngoài kiến có trí, như nói: Ngoài trí có kiến riêng chẳng?

Nên biết, vì tiếng “cũng” nói trong đây, nên ngoài kiến có trí, nghĩa ấy đã thành.

Nếu cho rằng không đúng, thì luận kia nên nói: Trí hiện có đều là kiến. Đã nói “cũng”, là nói biết có, không phải cho rằng Tận Vô sinh là một phần Tục trí. Nhưng ngoài trí, có thấy rõ, nói rõ. Không nói rõ, nói rõ thấy trí bên ngoài, có trí tức ngăn dứt tà chấp. Sư Bộ Thí Dụ nói: Với hạ trí đặt danh tướng Nhẫn. Hoặc như thuyết trước đã nói: Có nhiều thứ nhân, Tận, Vô sinh v.v... cũng được gọi là kiến.

Vì sao luận nói: Trong Vô sanh trí, lại nói lời này: Ta đã biết khổ v.v...?

Về lý chỉ nên nói: Không còn biết nữa v.v..., vì hai hành không nên chuyển vận cùng lúc. Nếu chuyển vận theo thứ lớp, thì trước kia với Tận trí, vì không có sai khác, vì thế không nên nói lại. Nên biết ý của thuyết này là vì dứt trừ hoài nghi, e có sinh ngờ vực, như Thời giải thoát, trước khởi Tận trí, sau được Vô sinh.

Như thế, nên phải thừa nhận Bất thời giải thoát, trước khởi Vô sinh, sau được Tận trí? Vì biểu thị tất cả Tận trí trước khởi, nên lại trước chỉ nói: Đã biết v.v... Hoặc trước chỉ nói: Ta đã biết v.v..., đủ chứng tỏ Thời giải thoát chỉ có Tận trí, sau lại nói lập lại: Ta đã biết v.v..., là biểu thị sau cuối bất thời giải thoát, khởi vô sinh, nên mặc dù nói lập lại nhưng vẫn không có lỗi.

Vô sinh trí: Thế nào là vô sinh?

Sư Chánh lý nói: Nghĩa là phi trạch diệt, vì có vô sinh. trí này được sinh, nhờ ở vô sinh, gọi là Vô sanh trí. Diệt dù thường có mà được vô thường. Khi được diệt kia, trí này mới chuyển vận, phải do đặc khởi, mới gọi là có diệt, đối với vị có diệt, trí này mới sinh. Hoặc vô sinh là nói nhân kia diệt mà đặc, như đặc Niết-bàn, cũng gọi là Niết-bàn. Kinh nói: Vì dùng Niết-bàn để ở trong tâm, nên ở vị tâm kia đặc, trí này mới sinh. trí nhờ vô sinh, gọi là Vô sanh trí.

Có sư khác nói, ở đây đặt ra vấn nạn này rằng: Nếu nhờ ở vô sinh, gọi là Vô sanh trí, thì Vô sinh trí sẽ duyên pháp phi đế, tức là thuyết đã nói sẽ trái bỏ tông mình, vì tuệ vô lậu sinh chỉ duyên bốn đế.

Sư kia không xem xét kỹ khi đặt ra lời vấn nạn này. Như trên, ta đã nói: Sau xuất quán, mới khởi trí phân biệt như thế. Hoặc tiếng “nhờ” ở đây là hữu thứ bảy, chứ không phải cảnh thứ bảy, như Tận trí. Hoặc thừa nhận trí này, duyên vô sinh mà được Khổ đế này thấu nhiếp không phải là phi đế.

Mười trí như thế thâm nhiếp lẫn nhau, nghĩa là Thế tục trí gồm nhiếp một hoàn toàn, một phần ít. Pháp, loại trí đều gồm nhiếp một hoàn toàn, bảy phần ít. Khổ, tập, diệt trí, đều gồm nhiếp một hoàn toàn, bốn phần ít. Đạo trí gồm nhiếp một hoàn toàn, năm phần ít. Tha tâm trí gồm nhiếp một hoàn toàn, bốn phần ít. Tận Vô sinh trí đều gồm nhiếp một hoàn toàn, sáu phần ít. Vậy, vì sao hai trí kiến lập làm mười? Tụng rằng:

*Đối trị do tự tánh
Hành tướng, cảnh hành tướng
Gia hạnh thành nhân đủ
Nên kiến lập mười trí.*

Luận nói: Vì do bảy duyên, nên lập hai làm mười:

1. Vì tự tánh nên lập thế tục trí, lấy trí thế tục làm tự tánh.
2. Vì đối trị nên lập Pháp, Loại trí, vì hoàn toàn khả năng đối trị cõi Dục và cõi trên.
3. Vì hành tướng, nên lập Khổ, Tập trí, vì cảnh của hai trí này, về thể không có riêng khác.
4. Vì cảnh của hành tướng, nên lập Diệt, Đạo trí, vì cảnh của hành tướng hai trí này đều cùng có riêng khác.
5. Vì gia hạnh, nên lập Tha tâm trí. Không phải trí này không biết tâm sở pháp của người khác, nhưng vốn tu gia hạnh vì biết tâm của người khác, mặc dù khi thành đủ, cũng biết tâm sở, nhưng vì căn cứ nơi gia hạnh, nên đặt tên gọi Tha tâm trí. Gia hạnh đã phân biệt đủ như trước.
6. Vì sự làm rồi, nên kiến lập Tận trí. Vì sự trong thân hoàn thành, nhất định trí bắt đầu sinh.
7. Vì nhân viên mãn, nên lập vô sinh trí. Tất cả Thánh đạo làm nhân sinh, nghĩa là có Tận trí, không phải vì Vô sinh trí làm nhân nên sinh, vì không có Vô sanh trí nào không dùng Tận trí làm nhân, nên khởi như trên.

Đã nói Pháp trí, Loại trí hoàn toàn có khả năng đối trị pháp nơi cõi Dục, cõi trên, vì có phần ít đối trị ở cõi Dục, cõi trên? Tụng rằng:

*Duyên Diệt, Đạo, Pháp trí
Ở trong vị Tu đạo
Gồm trị tu đoạn trên
Loại không thể trị Dục.*

Luận nói: Diệt, Đạo, Pháp trí thuộc về Tu đạo, gồm cả khả năng đối trị Tu đạo đoạn cõi trên. Đối với pháp cõi Dục, Pháp trí bốn đế hoàn

toàn có khả năng đối trị Kiến đạo đoạn cỡi Dục, Pháp trí cũng vì gìn giữ đối trị, nên chủ thể trị, đối tượng trị đều được gọi là hoàn toàn, đối với cỡi trên, đều có thiếu, đều gọi là phần ít.

Vì sao chỉ có Diệt, Đạo, Pháp trí, gồm trị cỡi trên mà không phải Khổ, Tập?

Vì sở duyên tịch-tĩnh-xuất-ly đồng, nghĩa là diệt cỡi trên cỡi Dục và đạo, chủ thể trị, lần lượt so với nhau, tướng không khác nhau. Vì các Trạch diệt đều thiện, đều thường, tất cả Thánh đạo đều có khả năng xuất ly. Sở duyên: khổ, tập cỡi trên và cỡi Dục khác nhau, vì ít, nhiều, tế, thô, trên, dưới khác nhau.

Lại, Khổ, Tập trí duyên theo cảnh nhàm chán, không chấp nhận chán cảnh kia, lìa tham ở địa này. Về lý, khi chán địa này thì dứt phiền não của địa này.

Nếu thừa nhận khác với nhàm chán, khác với lìa tham, thì phải khác với lìa tham, khác với giải thoát. Nếu thừa nhận không chán cỡi Sắc, cỡi Vô sắc, mà có khả năng lìa tập tham, nhàm chán cỡi kia, thì lý lìa tham sẽ bị hoại. Hai trí diệt, đạo không duyên theo cảnh nhàm chán, mà duyên địa dưới đối trị, địa trên cũng không có lỗi.

Lại, như quán bất tịnh và ưa muốn Niết-bàn, nghĩa là quán bất tịnh, duyên theo cảnh cỡi Dục, chỉ có công năng khiến tâm chán bỏ cỡi Dục, ưa muốn Niết-bàn, lúc thể hiện ở trước, có công năng trùm khắp khiến tâm chán bỏ cả ba cỡi. Như thế, duyên cỡi Dục, khổ tập trí sinh, chỉ có công năng khiến tâm xa lìa nhiễm cỡi Dục, duyên cỡi Dục, pháp diệt, đạo trí sinh. Vì có công năng khiến tâm lìa khắp nhiễm ba cỡi, nên thừa nhận phẩm trí pháp diệt, đạo tăng, cho đến được thành Kim cương dụ định.

Do đó, đại Thánh khéo nhận biết rõ sự mâu nhiệm, căn cứ ở pháp môn trị hoàn toàn, lập pháp, loại trí, phần ít pháp trí có công năng trị cỡi trên. Loại trí, thì không thể trị cỡi Dục. Phải đối với sự tác của tự cỡi đã chu toàn, mới có thể bao gồm chỗ tạo tác của cỡi khác, không phải các loại trí khi việc của mình đã hoàn thành, việc của người chưa thành, có nghĩa cần giúp đỡ, nên không có loại trí trị pháp cỡi Dục.

Há không là Đạo Loại trí thứ mười sáu sinh? Do trí này, thuận tiện có thể trị hoặc cỡi Dục? Vì sắp dứt hoặc cỡi Dục, loại trí không hiện hành. Nếu thừa nhận hiện hành, nhưng vì bị trở ngại, ràng buộc do chướng của cỡi mình, thì không có thể lực có thể giúp đỡ hoàn thành chỗ tạo tác của pháp trí ở cỡi khác. Do đó, loại trí không có công năng trị cỡi Dục.

Trong mười trí này, trí nào có hành tướng gì? Tụng rằng:

*Pháp trí và loại trí
Hành tướng đều mười sáu
Thế tục đây và khác
Trí bốn để đều bốn
Tha tâm trí vô lậu
Chỉ bốn là duyên đạo
Hữu lậu duyên tự tướng
Đều chỉ duyên một sự
Tận Vô sinh mười bốn
Tức là “không”, phi ngã.*

Luận nói: Pháp trí, Loại trí, mỗi thứ đều có mười sáu hành tướng: như Vô thường, khổ v.v... Mười sáu hành tướng, ở sau sẽ giải thích rộng. Thế tục trí có hành tướng này và lại có hành tướng khác, thường duyên tự tướng, cộng tướng, v.v... của tất cả pháp. Nghĩa là Thế tục trí, hoặc có khi tạo ra đủ mười sáu hành tướng, như ở trong địa vị Noãn, Đảnh, Nhẫn v.v... Hoặc có khi không đủ như Thế đệ nhất, Tam-ma-địa lần nữa và hiện quán biên Thế tục trí v.v...

Hoặc có khi tạo tác riêng, không phải hành tướng Thánh, như quán bất tịnh, niệm hơi thở, từ v.v... vô biên hành tướng này của tục trí. Bốn trí như khổ v.v... mỗi trí đều có duyên bốn thứ hành tướng, cảnh của đế mình. Trong tha tâm trí, nếu vô lậu, thì chỉ có duyên bốn thứ hành tướng của đạo. Hành tướng này thuộc về một phần đạo trí, nếu hữu lậu, vì cảnh tự tướng của pháp tâm, tâm sở, sở duyên của tự nó. Như cảnh, hành tướng của tự tướng cũng như thế, nên hành tướng này không thuộc về mười sáu trước.

Hai thứ như thế, ở tất cả thời gian, một niệm chỉ duyên một sự làm cảnh, nghĩa là thời gian duyên theo tâm, không duyên theo tâm sở, khi duyên thọ v.v... không duyên tướng v.v...

Nếu như vậy, vì sao Đức Bạc-già-phạm nói biết rõ như thật tâm hữu tham v.v...

Không phải cùng lúc nhận lấy tham v.v... và tâm, như không cùng lúc nhận lấy áo và vết bẩn. Ba tâm như hữu tham v.v... Đối với tướng tâm, xứ giải thoát của tâm, đã nói sai khác.

Sư Tỳ-bà-sa nói thế này: Nhóm tâm nghĩa là các tâm thiện. Đối với sở duyên vì tâm này không rong ruổi, phân tán. Tâm tán, là tâm nhiễm, vì tâm này tương ưng với tán động khởi.

Kinh chủ cho tâm này không thuận với Khế kinh. Kinh nói: Nhóm

trong của tâm thế nào? Nghĩa là nếu tâm cùng hiện hành với hôn trầm, thù miên, hoặc trong tương ứng có chỉ, không quán. Tán ngoài là sao? Nghĩa là tâm đi qua năm cảnh diệu dục, tùy phân tán tùy trôi lăn. Hoặc tương ứng với nội, có quán, không chỉ.

Người phương Tây giải thích mới thuận với Khế kinh. Nghĩa là tương ứng với miên, gọi là nhóm, ngoài ra ô nhiễm, nói là tâm phân tán, mà không có nhiễm miên, đều có lỗi tâm chung cả tụ, tán. Vì không thừa nhận miên đều cùng có nhiễm, gọi là tâm tán. Không xem xét ý kinh, giả dối vì khen, chê, do ý của hai kinh kia, đây đều có khác biệt. Trong kinh này, nói tâm hữu tham v.v... vì khiến biết sự sai khác của phẩm tâm nhiễm, tịnh nghĩa là vì như thật biết rõ các tâm có nghĩa lý sai khác giữa phẩm trắng, phẩm đen. Nói có tâm tham, lìa tâm tham v.v..., còn trong kinh kia lại nói tâm tụ, tâm tán. Vì khiến cho biết rõ chương tu thần túc, do kinh kia nói, tự tra xét tâm mình. Chớ chìm thái quá, chớ nổi lên thái quá, đừng tụ trong, đừng tán ngoài. Nghĩa là hành giả kia khi tu thần túc, nên tự xem xét, chương tu thần túc, sự lười biếng của tâm này, trạo cử của tâm này, hôn miên của tâm này. Đối với sắc v.v... tác ý phi lý nơi sắc đã dẫn truyền đi tản mát. Ý kinh kia đây đã làm, dẫn chứng khác, không thể dẫn kinh kia ngăn dứt giải thích tương của kinh này: Kinh kia chỉ nói về lúc tu thần túc, lỗi lầm của tâm tụ, tán thái quá ở trong, ngoài, không muốn phân biệt tương nhiễm, tịnh của tâm chỗ thuyết kinh này nói trái với kinh kia. Mặc dù các tâm nhiễm đều có trể nải lười biếng v.v... nhưng vì chỉ rõ về sự sai khác lỗi lầm của các nhiễm, tùy theo vị tăng trưởng của nhiễm kia, lập tâm trầm v.v... lập tâm phấn chấn v.v... nên biết trái với đây. Cho nên, cách giải thích của tông ta phù hợp, thuận với Khế kinh, cũng khéo phân biệt tương khác của tâm.

Nói bên cạnh đã rồi. Cần phải nói lại nghĩa chính.

Tha tâm trí có hành tướng, sở duyên ra sao, mà nói không quán hành tướng ở sở duyên?

Vì không quán hành tướng, sở duyên của tâm người khác, nghĩa là chỉ biết tâm có nhiễm v.v... của người kia, không biết sắc v.v... mà tâm người kia đã nhiễm, cũng không biết được hành tướng của năng duyên kia. Không như vậy, thì trí tha tâm cũng nên duyên sắc v.v... Lại, lẽ ra cũng có lỗi về khả năng tự duyên.

Tha tâm trí vô lậu lẽ ra duyên theo cảnh khổ v.v... tức lẽ ra cũng thừa nhận tương ứng với không, vô tướng. Đã không thừa nhận như thế, thì biết không quán hai, các trí tha tâm có tướng quyết định, nghĩa là chỉ

có công năng nhận lấy lệ thuộc cõi Dục, cõi Sắc và không bị lệ thuộc trong nối tiếp nhau của người khác, pháp tâm, tâm sở đồng loại, một tự tướng thật làm cảnh ở sở duyên. Không, vô tướng không tương ứng, tận vô sinh, không gồm nhiếp, không ở trong Kiến đạo, Vô gián đạo, pháp còn lại không ngăn dứt, như nên chấp nhận có.

Tận Vô sinh trí, trừ không, phi ngã, đều có đủ mười bốn hành tướng khác, vì trái với chuyển tâm xuất quán, nên không có hai hành tướng ở trong quán, nghĩa là từ hai trí, sau khi xuất quán, sẽ tự biết rõ: Sự sinh tử của ta đã hết v.v...

Ý trong đây nói: Tận Vô sinh trí dù là thắng nghĩa, nhưng có liên quan thiệp thế tục: Sự sinh tử của ta đã hết v.v... là vì thế tục, nên không, phi ngã là thắng nghĩa, hẳn có quan hệ với thắng nghĩa. Sau quán này, quyết định biết rõ không, phi ngã, nên do đó hai trí lìa không, phi ngã. Vì có vô lậu vượt qua mười sáu thứ này, lại thuộc về hành tướng khác không? Tụng rằng:

Tịnh không vượt mười sáu

Khác đây có luận nói.

Luận nói: Các sư Đối pháp có một loại thuyết: Không có vượt qua mười sáu hành tướng vô lậu, vì lìa mười sáu này, pháp khác không thể được.

Há không là có thuyết nói Tận Vô sinh trí nhất định tự biết rõ: sự sinh của ta đã hết v.v...?

Điều này không trái nhau, vì trước đã nói, nghĩa là trước kia đã nói: Sau quán vô lậu trong thế tục trí, tạo ra hành tướng này không phải trí vô lậu. Hành tướng này chuyển là do Tận Vô sinh dẫn khởi Tục trí, suy ra công là ở trí trước nói “như thật biết rõ”, nên thừa nhận trí này lìa không, vô ngã. Do lực của ý ưa thích trước nên khiến hai trí này về sau chắc chắn dẫn sinh: sự sinh của ta đã hết v.v..., không phải do quán bên trong mà hành tướng này chuyển khiến khởi hành tướng này ở thời gian sau. Hành tướng của ngã v.v... tuy không có quán bên trong, nhưng do không ngu tự chứng giải thoát. Nói về nghĩa, thì vị này hẳn đã nên có thế phần của hành tướng: Sự sinh của ta đã hết v.v... Do hành tướng thế tục trước dẫn sinh, có công năng dẫn hành tướng thế tục trong thời gian sau, nên lìa mười bốn hành tướng thì không có Tận Vô sinh trí.

Nếu cho rằng ở đây nên nói lìa mười sáu không có thì điều này không đúng. Vì trừ mười bốn hành tướng còn có Tận, Vô sinh. Vì không thể nào thành nên lìa mười bốn, có dựa vào ý ngầm nói cho là sự sinh của ta đã hết v.v... là Tận Vô sinh trí.

Vì ngăn chấp đó, nên nói: Lìa mười bốn không có, ngoài ra không thể nào thành, sao đối lập với ngăn chấp này.

Nếu vậy, đã có Tha tâm trí vô lậu, lẽ ra vượt qua mười sáu có hành tướng vô lậu, nghĩa là Tha tâm trí đều dùng một tự tướng thật làm cảnh. Các hành tướng như đạo v.v... đều lấy nhóm hợp cộng tướng tụ tập làm cảnh. Hành tướng kia, đây đã khác, biết lìa mười sáu, quyết định có riêng hành tướng vô lậu? Vì không phải nhất định thừa nhận, nên vấn nạn không đúng, nghĩa là tông của ta không quyết định thừa nhận. Hành tướng của cộng tướng chỉ duyên nhóm hợp, thừa nhận có hai niệm trụ Tâm và Thọ, như quán thể của một Thọ là vô thường, khi trí này sinh, dùng hành tướng của cộng tướng, quán một tự tướng thật làm cảnh, nghĩa này phải thành.

Như thế, sao không thừa nhận Tha tâm trí vô lậu lấy hành tướng của cộng tướng duyên một tự tướng thật, nghĩa là biết tâm người khác là chân đạo v.v... tức duyên nhất thật là các tướng như đạo v.v...

Nếu cho rằng: Lẽ ra như niệm trụ Thọ, Tâm, duyên chung tất cả thọ, tâm ba đời, làm hành tướng cộng tướng như vô thường v.v... Tha tâm trí vô lậu cũng duyên cả ba đời. Tâm vô lậu v.v... của người khác, làm các hành tướng như đạo v.v... ấy là trái với tông mình. Tha tâm trí khởi, chỉ duyên một tự tướng thật ở hiện tại.

Giải thích này cũng không đúng, vì gia hạnh khác nhau. Trí này gia hạnh vì muốn biết người khác, nên hiển hiện cái tâm năng duyên có tham v.v.. còn riêng tu niệm trụ vô thường v.v... mà gia hạnh đó là chung chán trái các pháp hữu lậu. Do thế lực của gia hạnh trước có khác, đến khi thành mãn thì hiện ra chung mà duyên riêng. Vì thế nên không có lỗi so sánh tương ứng.

Nếu cho rằng vì vô thường không phải tự thể của thọ, nên khi phải quán thọ là vô thường, thì không duyên một tự tướng thật làm cảnh. Vậy, đâu thể dẫn thọ này dụ cho tha tâm trí, tức là nên thừa nhận thọ không phải vô thường, không nên đối với thọ, khởi quán vô thường. Giống như thọ và tâm, thể của chúng đều khác, chắc chắn sẽ không có quán thọ làm tâm. Mặc dù tức quán thọ dùng làm vô thường, mà không có lỗi một vật có nhiều thể. Vì lãnh nạp vô thường không có riêng thể, như sự việc tổn ích v.v... không phải lìa sự lãnh nạp mà có riêng. Hành tướng khác, pháp khác cũng như thế.

Nếu vậy, thì trái với Kinh giáo? Như thuyết nói: Trụ ở thân, quán theo thân lẽ ra phải nói Pháp trí, cho đến nói rộng.

Lại, nói: Quán già chết, phải nói là bốn trí đều có, không trái

nhau. Vả lại, trước đây đã nói không phải biểu thị pháp trí v.v... lia mười sáu hành tướng, trụ theo thân mà quán, quán thân là thân, chỉ quán như thật vô thường v.v... mà trước đây ta đã thừa nhận hành tướng cộng tướng, cũng dùng một tự tướng thật làm cảnh. Vì thế, nên thuyết của sư kia nói, đối với ta không có trái.

Sau còn nói: quán già chết, thì tiếng “già, chết” gọi chung là thủ uẩn, quán năm thủ uẩn là vô thường v.v..., là thuộc về bốn trí, đâu có trái nhau!

Nếu vậy, thì như nói: Khi thọ nhận lạc thọ, biết rõ như thật thọ đối với lạc thọ, vì sao thuộc về pháp, loại, đạo, thế tục trí.

Vấn đề này, cần phải tư duy, lựa chọn: Khi thọ nhận hiện tại, thì không biết rõ, vì không tự duyên, nên cũng không thể nói biết rõ quá khứ, vị lai, vì khứ lai không gọi là lúc thọ nhận niềm vui, mà Khế kinh nói: “Khi thọ nhận lạc thọ, biết rõ như thật thọ đối với lạc thọ”, nên biết được thuyết này có mật ý riêng. Giải thích mật ý này như Tận Vô sinh, nghĩa là thời gian sau xuất quán, mới khởi hành tướng này, nên hành tướng vô lậu vượt ngoài mười sáu thì không có.

Có một loại nói có vượt qua mười sáu, vì Luận này nói, như Luận này nói.

Vả lại, có không trói buộc tâm mà có công năng phân biệt rõ pháp lệ thuộc cõi Dục hay không?

Đáp: Có thể phân biệt rõ, nghĩa là vì vô thường, vì khổ, vì không, vì phi ngã, vì nhân, vì tập, vì sinh, vì duyên, nên có nghĩa này, có sự này, như lý đã dẫn phân biệt rõ.

Chứng này không thành, vì mê ý của luận. Luận biểu thị không lệ thuộc ở số nhiều hành tướng, ở trong đó, có duyên với hành tướng hệ thuộc cõi Dục, tức là căn cứ chấp nhận có thuyết nói: Có nói nghĩa này, có nói sự này, chứng tỏ không có điên đảo. Tức vì do đó, nên pháp khác không có lời nói ấy, mà cho rằng luận kia, lại nói lời này.

Vả lại có tâm của Kiến đạo đoạn, có công năng phân biệt rõ pháp lệ thuộc cõi Dục ư?

Đáp: Có thể phân biệt rõ, đó là vì ngã, vì ngã sở, vì dứt, vì thường, vì vô nhân, vì vô tác, vì tổn giảm, vì tôn quý, vì thù thắng, vì trên, vì thứ nhất, vì khả năng thanh tịnh, vì công năng giải thoát, vì khả năng xuất ly, vì hoặc, vì nghi, vì do dự, vì tham, vì giận, vì mạn, vì si, nên không đúng như lý đã dẫn phân biệt nhận rõ trừ hành tướng này, không chấp nhận có hành tướng khác. Do đó, không có lời nói: có nghĩa này. Lại do đều chuyển biến điên đảo, nên không có lời nói: có việc này. Vì thế

nên hành tướng tịnh không vượt qua mười sáu mà lý, giáo không có trái nhau, không thể nghiêng động.

